

DỰ TOÁN CHI CTMTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI XÃ SA LÝ NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Sa Lý)

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán sau điều chỉnh											Thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư	
		Kế hoạch đã phân bổ ngân sách Trung ương					Đề xuất giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương	Đề xuất tăng kế hoạch vốn ngân sách trung ương	Tổng cộng kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh					
		Dự toán được giao			Dự toán đã chi đến 30/6/2025	Dự toán còn lại			Dự toán được giao			Dự toán đã chi đến 30/6/2025		Dự toán còn lại
		DT giao đầu năm	Bổ sung, điều chỉnh	Kinh phí					DT giao	Bổ sung, điều chỉnh	Kinh phí			
	TỔNG CỘNG	12,711.878	-	12,711.878	4,042.122	8,669.756	1,838.035	1,838.035	12,711.878	-	12,711.878	4,042.122	8,669.756	
A	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2025	9,777.980	-	9,777.980	2,136.622	7,641.358	1,428.377	1,428.377	9,777.980	-	9,777.980	2,136.622	7,641.358	
I	CTMTQG VỐN ĐẦU TƯ	3,975.000	-	3,975.000	2,136.622	1,838.378	208.377	208.377	3,975.000	-	3,975.000	2,136.622	1,838.378	
1	Công trình chuyển tiếp	1,822.000	-	1,822.000	1,600.031	221.969	208.377	208.377	1,822.000	-	1,822.000	1,600.031	221.969	Tung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
1.1	Trường TH&THCS Phong Minh hạng mục: Nhà lớp học 6 Phòng (Đã quyết toán)	71.000	-	71.000	70.577	0.423			71.000	-	71.000	70.577	0.423	
1.2	Làm đường bê tông sang điểm rác thải của xã (PM)	418.000	-	418.000	409.419	8.581	-	-	418.000	-	418.000	409.419	8.581	
1.3	Làm đường bê tông thôn Cà, Giảng, Nũn (PM)	338.000	-	338.000	333.412	4.588	-	-	338.000	-	338.000	333.412	4.588	
1.4	XD phòng ngủ cho học sinh và các công trình phụ trợ trường MN khu Giảng (BQLDA cũ) (Đã QT)	172.000	-	172.000	124.567	47.433	47.433	-	124.567	-	124.567	124.567	-	
1.5	XD 03 phòng học trường Tiểu Học (BQLDA cũ) (Đã QT)	823.000	-	823.000	662.056	160.944	160.944	-	662.056	-	662.056	662.056	-	
1.6	Xây mới nhà vệ sinh thôn Nũn							170.000	170.000		170.000	-	170.000	
1.7	Xây mới nhà vệ sinh thôn Giảng							38.377	38.377		38.377	-	38.377	
2	Công trình xây mới	2,153.000	-	2,153.000	536.591	1,616.409	-	-	2,153.000	-	2,153.000	536.591	1,616.409	Tung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
	Làm đường bê tông thôn Giảng (PM)	404.000	-	404.000	-	404.000			404.000	-	404.000	-	404.000	
	Làm đường bê tông thôn Nũn thôn Na Lang (PM)	1,207.000	-	1,207.000	-	1,207.000			1,207.000	-	1,207.000	-	1,207.000	
	Xây vảnh lao, cổng, sân, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Đàng (Sa Lý cũ) (Đã QT)	542.000	-	542.000	536.591	5.409			542.000	-	542.000	536.591	5.409	
3	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								-	-	-	-	-	
3.1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở								-	-	-	-	-	
II	VỐN SỰ NGHIỆP	5,802.980	-	5,802.980	-	5,802.980	1,220.000	1,220.000	5,802.980	-	5,802.980	-	5,802.980	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán sau điều chỉnh											Giao thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư	
		Kế hoạch đã phân bổ ngân sách Trung ương					Đề xuất giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương	Đề xuất tăng kế hoạch vốn ngân sách trung ương	Tổng cộng kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh					
		Dự toán được giao			Dự toán đã chi đến 30/6/2025	Dự toán còn lại			Dự toán được giao			Dự toán đã chi đến 30/6/2025		Dự toán còn lại
		DT giao đầu năm	Bổ sung, điều chỉnh	Kinh phí					DT giao	Bổ sung, điều chỉnh	Kinh phí			
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	470.000	-	470.000	-	470.000	-	-	470.000	-	470.000	-	470.000	Phòng Văn hóa- Xã hội
1.1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	470.000	-	470.000	-	470.000	-	-	470.000	-	470.000	-	470.000	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	3,322.980	-	3,322.980	-	3,322.980	-	-	3,322.980	-	3,322.980	-	3,322.980	Phòng Kinh tế
2.1	Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	176.980	-	176.980	-	176.980	-	-	176.980	-	176.980	-	176.980	
	Bảo vệ rừng	176.980	-	176.980	-	176.980	-	-	176.980	-	176.980	-	176.980	
2.2	Tiêu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy thời sự kinh doanh và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3,146.000	-	3,146.000	-	3,146.000	-	-	3,146.000	-	3,146.000	-	3,146.000	
	Phong Minh	1,572.000	-	1,572.000	-	1,572.000	-	-	1,572.000	-	1,572.000	-	1,572.000	
	Sa Lý (cũ)	1,574.000	-	1,574.000	-	1,574.000	-	-	1,574.000	-	1,574.000	-	1,574.000	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	1,720.000	-	1,720.000	-	1,720.000	1,220.000	1,220.000	1,720.000	-	1,720.000	-	1,720.000	Tung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
3.1	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư)	1,720.000	-	1,720.000	-	1,720.000	1,220.000	1,220.000	1,720.000	-	1,720.000	-	1,720.000	-
a	Sửa chữa các hạng mục trường THCS Sa Lý	420.000	-	420.000	-	420.000	420.000		-	-	-	-	-	
b	Sửa chữa các hạng mục trường Mầm non xã Sa Lý (cũ)	300.000	-	300.000	-	300.000			300.000	-	300.000	-	300.000	
c	Sửa chữa các hạng mục nhà văn hóa thôn Đàng Sa Lý (cũ)	300.000	-	300.000	-	300.000	220.000		80.000	-	80.000	-	80.000	
d	Sửa chữa trường thôn Đàng xã Sa Lý (cũ)	700.000	-	700.000	-	700.000	580.000		120.000	-	120.000	-	120.000	
e	Sửa chữa đường bê tông từ tỉnh lộ 248 vào trường tiểu học, mầm non số 2 Sa Lý							1,220.000	1,220.000		1,220.000		1,220.000	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực								-	-	-	-	-	Phòng Văn hóa- Xã hội
5	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	90.000	-	90.000	-	90.000	-	-	90.000	-	90.000	-	90.000	Phòng Văn hóa- Xã hội
	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa xã Sa Lý (Cũ)	90.000	-	90.000	-	90.000	-	-	90.000	-	90.000	-	90.000	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán sau điều chỉnh											Giao thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư	
		Kế hoạch đã phân bổ ngân sách Trung ương					Đề xuất giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương	Đề xuất tăng kế hoạch vốn ngân sách trung ương	Tổng cộng kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh					
		Dự toán được giao			Dự toán đã chi đến 30/6/2025	Dự toán còn lại			Dự toán được giao			Dự toán đã chi đến 30/6/2025		Dự toán còn lại
		DT giao đầu năm	Bổ sung, điều chỉnh	Kinh phí					DT giao	Bổ sung, điều chỉnh	Kinh phí			
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	20.000	-	20.000	-	20.000	-	-	20.000	-	20.000	-	20.000	Mặt trận tổ quốc xã
	Thực hiện bình đẳng giới (Phong Minh)	10.000		10.000		10.000			10.000	-	10.000	-	10.000	
	Thực hiện bình đẳng giới (Sa Lý)	10.000		10.000		10.000			10.000	-	10.000	-	10.000	
7	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	50.000	-	50.000	-	50.000	-	-	50.000	-	50.000	-	50.000	Phòng Văn hóa- Xã hội
7.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	50.000	-	50.000	-	50.000	-	-	50.000	-	50.000	-	50.000	
	Tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	50.000	-	50.000	-	50.000	-	-	50.000	-	50.000	-	50.000	
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	130.000	-	130.000	-	130.000	-	-	130.000	-	130.000	-	130.000	Phòng Văn hóa- Xã hội
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS.	80.000	-	80.000	-	80.000	-	-	80.000	-	80.000	-	80.000	
8.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	50.000	-	50.000	-	50.000	-	-	50.000	-	50.000	-	50.000	
B	CHI CHUYÊN NGUỒN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	2.933.898	-	2.933.898	1.905.500	1.028.398	409.658	409.658	2.933.898	-	2.933.898	1.905.500	1.028.398	
I	CTMTQG VỐN ĐẦU TƯ								-	-	-	-	-	
II	CTMTQG VỐN SỰ NGHIỆP	2.933.898	-	2.933.898	1.905.500	1.028.398	409.658	409.658	2.933.898	-	2.933.898	1.905.500	1.028.398	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.249.880	-	1.249.880	981.684	268.196	-	-	1.249.880	-	1.249.880	981.684	268.196	
1.1	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	6.000	-	6.000	-	6.000	-	-	6.000	-	6.000	-	6.000	Phòng Văn hóa- Xã hội
	Nước Sinh hoạt tập trung Thôn Nũn	992.758		992.758	865.932	126.826			992.758	-	992.758	865.932	126.826	Tung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
1.2	Nước Sinh hoạt tập trung thôn Na Lang; Thôn Nũn	251.121	-	251.121	115.751	135.370			251.121	-	251.121	115.751	135.370	Tung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

các học sinh và
công trình phụ
trụ trường Tiểu

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Sa Lý)

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Sa Lý
Tài khoản: 9527; Mã số ĐVQHNS: 1154709

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã chương	Mã nguồn	Loại, khoản	Mã CTMTQG	Dự toán			Ghi chú
						Tổng số	Vốn kéo dài sang năm 2025	Vốn giao năm 2025	
	TỔNG SỐ					3,455,900,000	132,920,000	3,322,980,000	
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN					3,455,900,000	132,920,000	3,322,980,000	
1	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					3,455,900,000	132,920,000	3,322,980,000	
-	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	831	12	280;281	10513	243,440,000	66,460,000	176,980,000	Vốn kéo dài sang năm 2025 đã nhập DT trên hệ thống
-	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy thời sự kinh doanh và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	831	12	280;281	10513	3,212,460,000	66,460,000	3,146,000,000	Vốn kéo dài sang năm 2025 đã nhập DT trên hệ thống

NS

Ngày tháng năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Nguyễn Hồng Hải

Bạch Đức Hồng

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Sa Lý)

Đơn vị: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Sa Lý

Tài khoản: 9527; Mã số ĐVQHNS: 1154708

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã chương	Mã nguồn	Loại, khoản	Mã CTMTQG	Dự toán			Ghi chú
						Tổng số	Vốn kéo dài sang năm 2025	Vốn giao năm 2025	
	TỔNG SỐ					746,000,000	6,000,000	740,000,000	
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN					746,000,000	6,000,000	740,000,000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					476,000,000	6,000,000	470,000,000	
1.1	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	832	12	370;398	10511	470,000,000		470,000,000	
1.2	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	832	12	370;398	10511	6,000,000	6,000,000		Vốn kéo dài sang năm 2025 đã nhập DT trên hệ thống
2	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					90,000,000	-	90,000,000	
-	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị nhà Văn hóa xã	832	12	160;161	10516	90,000,000		90,000,000	
3	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					50,000,000		50,000,000	
3.1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	832	12	130;141	10519	50,000,000		50,000,000	

4	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình					130,000,000	-	130,000,000	
4.1	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS</i>	832	12	340;341	10521	80,000,000		80,000,000	
4.2	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát đánh giá đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện chương trình</i>	832	12	340;341	10521	50,000,000		50,000,000	

LN NS

Ngày tháng năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Nguyễn Hồng Hải

Bạch Đức Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SA LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Sa Lý)

Đơn vị: Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Sa Lý

Tài khoản: 9527; Mã số ĐVQHNS: 1154705

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã chương	Mã nguồn	Loại, khoản	Mã CTMTQG	Dự toán			Ghi chú
						Tổng số	Vốn kéo dài sang năm 2025	Vốn giao năm 2025	
	TỔNG SỐ								
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN					4,424,392,000	0	4,424,392,000	
A	Vốn đầu tư					1,838,378,000	0	1,838,378,000	
-	Trường TH&THCS Phong Minh hạng mục: Nhà lớp học 6 Phòng (Đã quyết toán)	821	43	072	10514	423,000		423,000	
-	Làm đường bê tông sang điểm rác thải của xã (PM)	821	43	292	10514	8,581,000		8,581,000	
-	Làm đường bê tông thôn Cả, Giàng, Nũn (PM)	821	43	292	10514	4,588,000		4,588,000	
-	Xây mới nhà vệ sinh thôn Nũn	821	43	161	10514	170,000,000		170,000,000	
-	Xây mới nhà vệ sinh thôn Giàng	821	43	161	10514	38,377,000		38,377,000	
-	Làm đường bê tông thôn Giàng (PM)	821	43	292	10514	404,000,000		404,000,000	
-	Làm đường bê tông thôn Nũn thôn Na Lang (PM)	821	43	292	10514	1,207,000,000		1,207,000,000	
-	Xây vành lao, cổng, sân, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Đàng (Sa Lý cũ) (Đã QT)	821	43	161	10514	5,409,000		5,409,000	
B	Vốn sự nghiệp					2,586,014,000	0	2,586,014,000	

1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					1,720,000,000	0	1,720,000,000	
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư)					1,720,000,000	0	1,720,000,000	
+	Sửa chữa các hạ mục trường Mầm non xã Sa Lý (cũ)	821	12	280;292	10514	300,000,000		300,000,000	
+	Sửa chữa các hạng mục nhà văn hóa thôn Đảng Sa Lý (cũ)	821	12	280;292	10514	80,000,000		80,000,000	
+	Sửa chữa mương thôn Đảng xã Sa Lý (cũ)	821	12	280;292	10514	120,000,000		120,000,000	
+	Sửa chữa đường bê tông từ tỉnh lộ 248 vào trường tiểu học, mầm non số 2 Sa Lý	821	12	280;292	10514	1,220,000,000		1,220,000,000	
2	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					262,196,000	0	262,196,000	
-	Nước Sinh hoạt tập trung thôn Na Lang	821	43	311	10511	135,370,000		135,370,000	
-	Nước Sinh hoạt tập trung Thôn Nũn	821	43	311	10511	126,826,000		126,826,000	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					603,818,000		603,818,000	
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư)					603,818,000	0	603,818,000	
+	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư	821	12	280;292	10511	194,160,000		194,160,000	
+	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư (Duy tu bảo dưỡng trạm y tế)	821	12	280;292	10511	409,658,000		409,658,000	

N NS

Ngày tháng năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Nguyễn Hồng Hải

Bạch Đức Hồng

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Sa Lý)

Đơn vị: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Sa Lý

Tài khoản: 9527; Mã số ĐVQHNS: 1154710

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã chương	Mã nguồn	Loại, khoản	Mã CTMTQG	Dự toán			Ghi chú
						Tổng số	Vốn kéo dài sang năm 2025	Vốn giao năm 2025	
	TỔNG SỐ					43,440,000	23,440,000	20,000,000	
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN					43,440,000	23,440,000	20,000,000	
1	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em	820	12	370;398	10518	43,440,000	23,440,000	20,000,000	

NS

Ngày tháng năm 2025
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Nguyễn Hồng Hải

Bạch Đức Hồng

